

Số: 35/BC-UBND

Nghĩa Sơn, ngày 15 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

**Về việc khảo sát, thu thập số liệu về công trình, tổ chức quản lý,
khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng**

Thực hiện Công văn số 899/NNPTNT ngày 03/4/2025 của phòng NN&PTNT huyện Tư Nghĩa V/v khảo sát, thu thập số liệu về công trình, tổ chức quản lý, khai thác CTTL nhỏ, thủy lợi nội đồng;

Để có cơ sở tổng hợp, tham mưu UBND huyện về việc thu thập số liệu về công trình, tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

UBND xã Nghĩa Sơn báo cáo kết quả khảo sát, thu thập số liệu về công trình, tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng như nội dung nêu trên (Kèm theo phụ lục 1 và phụ lục 2).

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát, thu thập số liệu về công trình, tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn xã Nghĩa Sơn. Kính đề nghị phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Tư Nghĩa tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Thước

Phụ lục 1
THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NHỎ,
THỦY LỢI NỘI ĐỒNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ,
CHÍNH SÁCH TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI
(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 15/4/2025
của UBND xã Nghĩa Sơn)

I. Hiện trạng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng

1. Bảng thống kê số lượng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn:

Ghi chú: Cung cấp danh mục CTTL nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn theo phân loại như trên

TT	Loại công trình	Đơn vị tính	Số lượng	Trong đó số lượng theo đơn vị quản lý		Ghi chú
				Tổ chức TLCS	Khác (Ghi rõ)	
I	HỆ THỐNG TIÊU, THOÁT NƯỚC, TƯỚI TIÊU KẾT HỢP					
1	Kênh mương thủy lợi có lưu lượng dưới 1,5 m ³ /s hoặc chiều rộng đáy kênh dưới 3 m	km				
-	<i>Đã kiên cố</i>	<i>km</i>				
-	<i>Chưa kiên cố</i>	<i>km</i>				
II	HỆ THỐNG CẤP, TƯỚI NƯỚC					
1	Kênh mương thủy lợi có lưu lượng dưới 0,5 m ³ /s hoặc chiều rộng đáy kênh dưới 0,5 m	Km				
-	<i>Đã kiên cố</i>	<i>km</i>	9,083			
-	<i>Chưa kiên cố</i>	<i>km</i>	0.8			

2. Đánh giá hiện trạng hoạt động của các công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng do các Tổ chức thủy lợi cơ sở trực tiếp quản lý:

Kênh mương nội đồng có một số đoạn mương bị sụt lún, gãy, bị rò rỉ, xói lở, bồi lấp sau khi có lũ gây ảnh hưởng trực tiếp đến diện tích ruộng. Hàng năm HTX có kế hoạch nạo vét thường xuyên các kênh mương nội đồng để phục vụ tưới tiêu. Để đảm bảo hơn trong việc tưới tiêu, phục vụ SXNN thì cần sự hỗ trợ kinh phí từ cấp trên để thực hiện kiên cố hóa các tuyến kênh mương nội đồng.

3. Đánh giá hiện trạng đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa, hoàn chỉnh hệ thống TLND (Chủ thể đầu tư, sự tham gia của người dân và cộng đồng, các thành phần kinh tế, nguồn vốn hỗ trợ...):

Cần sự đầu tư, hỗ trợ từ nguồn kinh phí của cấp trên để kiên cố hóa một số tuyến kênh mương. Hiện nay trên địa bàn xã còn 0,8km mương chưa được kiên cố hóa đáy dưới 0,5m.

4. Đánh giá những tồn tại, khó khăn trong đầu tư xây dựng, bảo trì công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng:

Các tuyến kênh mương nội đồng chưa được kiên cố hóa nên hàng năm sau mùa mưa lũ, hệ thống kênh mương đều bị xói lở, bồi lấp với khối lượng lớn đất, cát.

PHỤ LỤC 2

THÔNG TIN VỀ THỰC TRẠNG QUẢN LÝ KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NHỎ, THỦY LỢI NỘI ĐỒNG TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP XÃ

(Kèm theo Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 15/4/2025
của UBND xã Nghĩa Sơn)

I. Thực trạng quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng trên địa bàn:

1. Loại hình:

TT	Loại hình đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng	Số lượng
I	Tổ chức thủy lợi cơ sở	
1.1	Hợp tác xã	
-	HTX đa dịch vụ (trong đó có dịch vụ thủy lợi)	
-	HTX chỉ có 01 dịch vụ thủy lợi	1
1.2	Tổ hợp tác	
1.3	Ủy ban nhân dân xã	
-	UBND xã trực tiếp quản lý	
-	BQL (Thủy nông hoặc thủy lợi xã) trực thuộc UBND xã	
-	Tổ/đội thủy nông trực thuộc UBND xã	

2. Tổ chức và hoạt động

* Nhân lực, trình độ của cán bộ quản lý, vận hành của các tổ chức TLCS:

		Tổng số (Người)	Trong đó					Số người đã có chứng chỉ/chứng nhận học lớp quản lý ATĐ hoặc quản lý, khai thác CTTL	Tỷ lệ người sử dụng nước là thành viên của TCTL CS
			Đ H	C Đ	T C	S C	TH PT trở xuống		
I	Hợp tác xã								
1	HTX hoạt động đa dịch vụ, trong đó có dịch vụ thủy lợi								
2	HTX chỉ làm dịch vụ thủy lợi	4	2	0	2	0	0	0	164
II	Tổ hợp tác								

		Tổng số (Người)	Trong đó					Số người đã có chứng chỉ/chứng nhận học lớp quản lý ATĐ hoặc quản lý, khai thác CTTL	Tỷ lệ người sử dụng nước là thành viên của TCTL CS
			Đ H	C Đ	T C	S C	TH PT trở xuống		
III I	Ủy ban nhân dân xã	1							
1	UBND xã trực tiếp quản lý	4	2	0	2	0	0	0	0
2	BQL (Thủy nông hoặc thủy lợi xã) trực thuộc UBND xã								
3	Tổ/đội thủy nông trực thuộc UBND xã								
	Tổng cộng								

* Tổ chức bộ máy:

- Hợp tác xã

Quản lý và điều hành đội thủy nông trong công tác điều tiết nước trên địa bàn xã.

- Tổ hợp tác

Trực tiếp xử lý các vấn đề liên quan đến công tác thủy lợi; điều tiết nước tưới đảm bảo phục vụ cho công tác sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.

- UBND xã

+ Phối hợp với HTX trực tiếp kiểm tra, đánh giá thực trạng các tuyến kênh mương trên địa bàn xã; tổ chức thực hiện việc tu sửa, nạo vét các tuyến kênh do địa phương quản lý.

+ Chỉ đạo HTX trong công tác điều hành nước tưới; kịp thời xử lý các trường hợp liên quan đến thủy lợi; đảm bảo nước tưới phục vụ cho nhân dân sản xuất.

* Hoạt động của các tổ chức thủy lợi cơ sở

- Phương thức hoạt động: Giao nhiệm vụ/đặt hàng? Một dịch vụ hay đa dịch vụ (gồm những dịch vụ gì)?

Hợp đồng lao động trong từng công việc; giao nhiệm vụ cụ thể theo vị trí công việc đã hợp đồng.

- Lập và thực hiện kế hoạch sản xuất/ kế hoạch bảo trì như thế nào?

Đi kiểm tra thực tế, đánh giá thực trạng để có kế hoạch cần nạo vét hay tu sửa tuyến kênh mương nội đồng sau khi mùa vụ kết thúc và hoàn thành trước khi vụ mới bắt đầu.

- Việc thực hiện phối hợp với đơn vị quản lý khai thác công trình thủy lợi cấp tỉnh

Kịp thời báo cáo cho cấp quản lý khi công trình thủy lợi bị hư hỏng, xuống cấp để khắc phục, sửa chữa.

Phản ánh trực tiếp đến cấp quản lý trong công tác điều hành nước tưới, đảm bảo lượng nước tưới phục vụ sản xuất cho nhân dân.

* Tài sản, Tài chính

- Tình hình chuyển giao, thu hồi quyền quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ở địa phương: Không có.

- Tình hình phân bổ kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi (viết tắt là tiền SDSPDVCITL):

Năm	Tổng kinh phí hỗ trợ tiền SDSPDVCITL của cả tỉnh (Tr.đồng)	Trong đó		Số lượng TCTLCS được nhận kinh phí hỗ trợ tiền SDSPDVCITL (tổ chức)
		Cấp cho huyện (Tr.đồng)	Cấp cho tổ chức TLCS (Tr.đồng)	
Năm 2023	152.409.964		152.409.964	
Năm 2024	152.409.964		152.409.964	
Tổng cộng	304819929		304819929	

- Cách xác định Giá đặt hàng (trong trường hợp đặt hàng) hoặc kinh phí giao nhiệm vụ cho tổ chức thủy lợi cơ sở: Không có.

- Phương thức cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi cho các tổ chức thủy lợi cơ sở;

Chuyển khoản vào tài khoản HTX ở ngân hàng nông nghiệp

- Cơ cấu các nội dung chi đối với nguồn kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các tổ chức thủy lợi cơ sở:

Chi trả Nạo vét, duy tu bảo dưỡng kênh, trả công lao động hợp đồng.

- Tình hình thu/chi kinh phí thủy lợi nội đồng:

+ Mức thu: 1.308.240đồng/ha/vụ.

+ Tỷ lệ thu được: 100%

+ Cơ cấu các khoản chi: Chi trả Nạo vét, duy tu bảo dưỡng kênh, trả công lao động hợp đồng.

- Nguồn thu từ các dịch vụ khác (nếu có): Không
- * Tình hình phân cấp quản lý khai thác công trình thủy lợi
- Cung cấp quyết định:
- Quy mô thủy lợi nội đồng:

II. Các khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện:

1. Phân cấp:

Nguồn kinh phí của địa phương không có nên để thực hiện công tác thủy lợi như kiên cố hóa rất khó khăn.

2. Kiện toàn tổ chức thủy lợi cơ sở:

Thường xuyên đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của cá nhân, tổ chức trong công tác thủy lợi. Tổ chức kiện toàn nếu cá nhân, tổ chức đó thực hiện nhiệm vụ không đảm bảo.

3. Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi:

Kinh phí hỗ trợ đảm bảo.

4. Thu kinh phí thủy lợi nội đồng:

Không có thu thủy lợi phí ở các thành viên.

5. Khác (nếu có):

III. Đề xuất, kiến nghị:

Đề nghị UBND huyện, Phòng nông nghiệp và Môi trường huyện hỗ trợ kinh phí mua 2 cái máy bơm nước có công suất tưới tiêu từ 300-1000kw/h để bổ sung nước đập Dâng Đồng Quang tại Cầu Trang Thôn 1 và Thôn 2.
